## 54046 FIȘA DE DATE TEHNICE



## INCLUDE

	1/2″	x17	10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 27, 30, 32mm
	3/8″	x10	10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19mm
	1/4″	x13	4, 4.5, 5, 5.5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14mm
	1/2″	x5	16, 17, 18, 19, 22mm
	<b>3/8″</b>	x6	10, 11, 12, 13, 14, 15mm
	1/4″	x7	4, 5, 6, 7, 8, 9, 10mm
	1/2″	x2	E20, E24
	<b>3/8″</b>	х6	E10, E11, E12, E14, E16, E18
	1/4″	x5	E4, E5, E6, E7, E8
	12	xЗ	1/2" - 3/8" - 1/4"
	1/2″	x1	125mm
	<b>3/8″</b>	x1	125mm
	1/4″	x2	50, 100mm
	1/2″	x1	250mm

$\sim$				
믿굁	<u>J</u>		xЗ	1/2" - 3/8" - 1/4"
		1/2″	x2	16, 21mm
	3/8'		x1	18mm
5	_	1/2″	x1	8mm
			x1	8mm
			x1	6mm
			x7	1.27, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5mm
Ċ		$\supset$	x1	1/4"
		-	x1	1/4"
A	$\bigcirc$		xЗ	PH1, PH2, PH3
	×		xЗ	PZ1, PZ2, PZ3
		— 1/4″ 	x5	2, 3, 4, 5, 6mm
	$\ominus$		xЗ	SL4, SL5.5, SL7
	$\overline{\boldsymbol{\zeta}}$		x8	T8, T9, T10, T15, T20, T25, T27, T30
		x8	T8, T9, T10, T15, T20, T25, T27, T30	

$\square$	$\sim$			T5, T6, T7, T8, T9, T10, T15,
ω.			x11	T20, T25, T27, T30
H.		x9	T7, T10, T15, T20, T25, T27, T30, T40, T45	
	$\bigcirc$	- 6mm -	x5	M5, M6, M7, M8, M9
	$\bigcirc$		xЗ	M5, M6, M8
	$\bigcirc$	- 8mm -	x2	PH3, PH4
H	X		x2	PZ3, PZ4
	$\bigcirc$		x8	7, 8, 10, 12, 14mm
	$\ominus$		xЗ	SL8, SL10, SL12
	$\widehat{\Sigma}$		x6	T40, T45, T50, T55, T60, T70
	Ś		х6	T40, T45, T50, T55, T60, T70



